

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 251 /2022/HNGĐ-ST

Ngày 15/11/2022

V/v Tranh chấp: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ**

- T *phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Triệu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Mừng

2. Bà Nguyễn Thị Kim Chung

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị kim Oanh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Trúc Quỳnh, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 166/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2022 về tranh chấp “**Ly hôn**” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2022/QĐXX-ST ngày 11 tháng 10 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Thanh N, sinh năm 1985; trú tại thôn T-K, xã X-L, thị xã S-C, tỉnh Phú Yên, có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Phạm Minh T, sinh năm 1985; có hộ khẩu thường trú tại thôn H-N, xã Đ-Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/7/ 2022 và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Lê Thị Thanh N trình bày: Bà và ông Phạm Minh T xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn vào năm 2017 tại UBND xã X-L, thị xã S-C, tỉnh Phú Yên. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn T-K, xã X-L. Đến đầu năm 2019 chồng bà làm nghề lái xe tải đường dài, thỉnh thoảng có về nhà thăm chơi, nhưng đến cuối năm 2019 thì chồng bà đi luôn và không về nữa, bà có gọi điện để trao đổi về việc gia đình và chăm nuôi con cái, nhưng chồng chỉ nói những lời lẽ thô tục, vợ chồng thường xuyên cãi vã qua điện thoại. Sau khi bà gửi đơn xin ly hôn, bà có gọi điện

thoại trao đổi thì ông T đồng ý về Tòa án Đ giải quyết ly hôn, nhưng ông T yêu cầu bà chuyển tiền cho ông T thì ông T mới về Tòa án nhân dân huyện Đ ký hồ sơ ly hôn, lần đầu bà có chuyển tiền và yêu cầu ông T về Tòa án để giải quyết ly hôn, nhưng ông T không về, lần sau ông T tiếp tục yêu cầu bà chuyển thêm tiền mới về giải quyết ly hôn, nếu không chuyển ông sẽ không ký thủ tục ly hôn. Do bà chưa có nghề nghiệp ổn định, sống chung với mẹ ruột và đang nuôi con nhỏ, nên không có tiền chuyển, vì vậy ông T không chịu về Tòa án Đ giải quyết ly hôn .

Nay bà thấy giữa bà và ông Phạm Minh T không còn tình cảm, không thể tiếp tục mối quan hệ hôn nhân, hạnh phúc hôn nhân không đạt được. Vì vậy bà yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đ cho bà N được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà Lê Thị Thanh N khai vợ chồng có 01 chung là Phạm Minh Th, sinh ngày 03/01/2017

Hiện cháu Th do N đang nuôi dưỡng, khi ly hôn bà N có nguyện vọng được tiếp tục nuôi cháu Phạm Minh Th và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà N khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà N khai không có nợ chung .

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu quan điểm:

Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng trình tự, đúng quy định pháp luật.

Đối với nguyên đơn bà Lê Thị Thanh N đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại các Điều 70, 71, 186, 188, 189 Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng đối với bị đơn ông Phạm Minh T không chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng bà Lê Thị Thanh N và ông Phạm Minh T đã thật sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của bà N, cho bà được ly hôn với ông T.

Về con chung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu về nuôi con của bà Lê Thị Thanh N, giao cháu Phạm Minh Th sinh ngày 03/10/2017 cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu Th đủ 18 tuổi là phù hợp với thực tế và đúng quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà N không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản: Bà N, không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu hiện có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe quan điểm đề nghị giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, Tòa án đã tiến hành gửi giấy triệu tập ông Phạm Minh T và gọi qua điện thoại nhưng ông T có biết, mà không đến Tòa, Tòa án trực tiếp lấy lời khai của bà Lê Thị Ta, mẹ ruột của ông T nhưng bà không chịu ký biên bản và không nhận giấy tờ Tòa án giao, Tòa án tiến hành niêm yết thủ tục theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa ngày 27 tháng 10 năm 2022 bị đơn ông T vắng mặt, HĐXX Quyết định hoãn phiên tòa, tại phiên tòa ngày 15 tháng 11 năm 2022, bị đơn ông T tiếp tục vắng mặt .

Nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự .

[2]- Xét quan hệ hôn nhân: Giữa bà N và ông Phạm Minh T thì thấy ông bà đã xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tình yêu, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân UBND xã X-L, thị xã S-C, tỉnh Phú Yên vào năm 2017. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của các bên khi giải quyết vụ án.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của bà N: Theo đơn khởi kiện và trình bày của bà N tại phiên tòa, phù hợp với các tin nhắn trao đổi qua lại, giữa ông T và bà N, do bà N cung cấp có tại hồ sơ. Hội đồng xét xử có cơ sở thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N cho bà được ly hôn với ông T.

[4] Về quan hệ con chung: Xét nguyện vọng về nuôi con chung của N như đã nêu trên là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật HĐXX nghĩ nên chấp nhận.

[5] - **Về quan hệ tài sản chung:** Bà N khai không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ: Bà N khai không nợ tài sản của ai nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[6] Về án Phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. HĐXX buộc bà N phải chịu án phí theo quy định là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, 203, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 các Điều 235, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Thanh N

- **Về quan hệ hôn nhân:** Cho bà Lê Thị Thanh N được ly hôn với ông Phạm Minh T.

- **Về quan hệ con chung:** Giao cháu Phạm Minh Th sinh ngày 03/10/2017 cho bà N, tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Th đủ 18 tuổi, bà Lê Thị Thanh N không yêu cầu ông Phạm Minh T cấp dưỡng nuôi con.

Ông Phạm Minh T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản. Khi có lý do chính đáng, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- **Về án phí:** Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) bà Lê Thị Thanh N phải chịu, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà N đã nộp theo biên lai thu số 003818 ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ..

- ***Về quyền kháng cáo:*** Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn, có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo và trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm, đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- ***TAND tỉnh Quảng Nam***
- ***VKSND huyện Đ;***
- ***THADS huyện Đ;***
- ***Các đương sự ;***
- ***Lưu hồ sơ vụ án***

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trương Văn Triệu